

Vinh, 2015

NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
HỆ ĐẠO TẠO: ĐẠI HỌC
NĂM THỰC HIỆN: 2015 – 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO TẠO



-----00-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH

Vinh, 2015

NĂM THỰC HIỆN: 2015 – 2016

HỆ ĐẠO TẠO: ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠO TẠO



-----00-----

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TẠO

Số: 80 /2016/QĐ-BHCNV

Nghệ An, ngày 14 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Đại học
ngành Quản lý công nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012.
Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 về việc quy
định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định
mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

Căn cứ quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về
việc cho phép thành lập Trường Đại học Công nghiệp Vinh;
Căn cứ Điều lệ Trường Đại học Công nghiệp Vinh;
Theo đề nghị của ông Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng ngành Quản lý
công nghiệp kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Quản lý Đào tạo và Trường các Phòng, Khoa.

Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Nhu cầu 3;
- HĐQT;
- Lưu: VT, DT.

TS. Trần Đăng Thạch
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH

GIẤO

Phần tự chọn			2					
1	2114004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	1	5(5,0,10)	75	0	150	
2	2114005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2(2,0,4)	30	0	60	
3	2114006	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3(3,0,6)	45	0	90	
4	2114007	Pháp luật đại cương	4	2(2,0,4)	30	0	60	
5	2114020	Phương pháp luận NCKH	2	2(2,0,4)	30	0	60	
6	2114026	Kỹ năng mềm	7	2(2,0,4)	30	0	60	
7	2113001	Tiếng Anh 1	1	3(3,0,6)	45	0	90	
8	2113002	Tiếng Anh 2	2	3(3,0,6)	45	0	90	
9	2111012	Toán C1	1	2(2,0,4)	30	0	60	
10	2111013	Toán C2	2	2(2,0,4)	30	0	60	
11	2111014	Toán kinh tế	3	2(2,0,4)	30	0	60	
12	2107002	Quản trị học	1	2(2,0,4)	30	0	60	
13	2107003	Marketing căn bản	3	3(3,0,6)	45	0	90	
14	2101001	Tin học đại cương	2	3(2,1,6)	30	15	90	
15	2112002	Giáo dục thể chất 1	2	2(0,2,4)	0	30	60	
16	2112003	Giáo dục thể chất 2	3	2(0,2,4)	0	30	60	
17	2112001	Giáo dục quốc phòng 1	1	4(1,3,8)	15	45	120	
18		Giáo dục quốc phòng 2	1	4(2,2,8)	30	30	120	
	2111010	Xác suất thống kê	2	2(2,0,4)	30	0	60	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP

1	2108030	Nguyên lý thống kê	2	2(2,0,4)	30	0	60
2	2107005	Nhập môn ngành QL CN	2	2(2,0,4)	30	0	60
1.2. Khởi kiến thực giáo dục chuyên nghiệp							
1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
				34			
				14			
Phần bắt buộc							
1	2107103	Kinh tế vĩ mô	3	3(3,0,6)	45	0	90
2	2107102	Kinh tế vi mô	2	3(3,0,6)	45	0	90
3	2108029	Nguyên lý kế toán	3	3(3,0,6)	45	0	90
4	2107100	Luật kinh doanh	4	2(2,0,4)	30	0	60
5	2107104	Thống kê kinh doanh	4	3(3,0,6)	45	0	90
				12			
Nền tảng kỹ thuật nâng cao							
6	2107105	Kinh tế lượng	4	3(3,0,6)	45	0	90
7	2107106	Kinh tế quốc tế	4	3(3,0,6)	45	0	90
8	2107107	Kinh tế phát triển	4	3(3,0,6)	45	0	90
9	2108002	Tài chính tiền tệ	3	3(3,0,6)	45	0	90
				8/14			
Phần tự chọn							
1	2107109	Địa lý kinh tế Việt Nam	4	2(2,0,4)	30	0	60
2	2107110	Đạo đức kinh doanh	6	2(2,0,4)	30	0	60
3	2107111	Tâm lý học trong kinh doanh	3	2(2,0,4)	30	0	60
4	2107112	Marketing dịch vụ	6	2(2,0,4)	45	0	90
5	2107113	Quản trị rủi ro	4	2(2,0,4)	30	0	60

ĐƠN NGÀNH *

6	2107114	Giao tiếp kinh doanh	3	2(2,0,4)	30	0	60
7	2107115	Tin học ứng dụng ngành quản lý	4	2(2,0,4)	30	0	60
1.2.2. Kiến thức chuyên ngành				48			
a) Phần bắt buộc				42			
1	2107201	Quản trị nhân lực	5	3(3,0,6)	45	0	90
2	2107202	Quản trị sản xuất	5	4(4,0,8)	60	0	120
3	2107203	Quản trị cung ứng	5	4(4,0,8)	60	0	120
4	2108005	Kế toán TCDN	5	3(3,0,6)	45	0	90
5	2107205	Quản trị chất lượng	6	3(3,0,6)	45	0	90
6	2107206	Quản trị chiến lược	5	3(3,0,6)	45	0	90
7	2107207	Quản trị tài chính	6	3(3,0,6)	45	0	90
8	2107208	Marketing công nghiệp	6	3(3,0,6)	45	0	90
9	2113014	Anh văn chuyên ngành QLCN	5	2(2,0,4)	30	0	60
10	2107210	Quản trị xuất nhập khẩu	7	3(3,0,6)	45	0	90
11	2107211	Quản trị công nghệ và đổi mới	7	2(2,0,4)	30	0	60
12	2107212	Quản trị dự án đầu tư	6	3(3,0,6)	45	0	90
13	2107213	Quản trị chuỗi cung cấp	7	2(2,0,4)	30	0	60
14	2107219	Thương mại điện tử	7	2(2,0,4)	0	30	60
15	2107220	Thực tập sản xuất	6	2(0,2,4)	0	30	60
b) Phần tự chọn (chọn 6/10 TC)							
1	2107215	Phân tích HBKD	7	3(3,0,6)	45	0	90



TS. Trần Đăng Thạch

Trần Mạnh Hà

Đào Thị Như Quỳnh

Đoàn Thị Hà



BAN CHẤM HÒA

PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA KINH TẾ -

DU LỊCH

CỘNG NGIỆP
CỘNG NGIỆP

Tp. Vinh, ngày tháng năm 2015

Chuyên ngành quản lý công nghiệp: 144 TC, LT: 120 TC, TH: 24TC chiếm 17%.

Tổng số TC: 144, trong đó GDQP và GDTC: 12 TC

Tổng		132							
2	2107038	Khóa luận tốt nghiệp	8	5(0,5,10)	0	75	150		
1	2107037	Thực tập tốt nghiệp	8	5(0,5,10)	0	75	150		
1.2.3. Thực tập (bắt buộc đối với cả 2 chuyên ngành)				10					
4	2107218	Quản trị văn phòng	7	3(3,0,6)	45	0	90		
3	2107217	Văn hóa doanh nghiệp	7	3(3,0,6)	45	0	90		
2	2107216	Quản lý công nghiệp	7	3(3,0,6)	45	0	90		

3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

TT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước(a), tiên quyết(b), song hành(c)	Tiểu luận/ Bài tập lớn	Thường kỳ	Giữa kỳ	Thi cuối kỳ
Học kỳ 1			20					
Học phần bắt buộc			20					
1	2114004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5(5,0,10)			Tự luận	Tự luận	Tự luận
2	2112001	Giáo dục quốc phòng	8(2,6,16)	2112002, 2112003(c)		Lý thuyết/ thực hành	Lý thuyết/ thực hành	Thực hành
3	2111012	Toán C1	2 (2,0,4)		Bài tập lớn		Tự luận	Tự luận
4	2113001	Tiếng Anh 1	3(3,0,6)		Bài tập lớn	Bài tập lớn	Bán tự luận	Bán tự luận
5	2107002	Quản trị học	2(2,0,4)		Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
Học kỳ 2			21(2,19)					
Học phần bắt buộc			19					
1	2112002	Giáo dục thể chất 1	2(2,0,4)	2112003(a)		Thực hành	Thực hành	Thực hành
2	2114005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	2114004(b)		Tự luận	Tự luận	Tự luận
3	2114020	Phương pháp học tập và NCKH	2(2,0,4)		Tiểu luận	Bán tự		Bán tự

						luận		luận
4	2113002	Anh văn 2	3(3,0,6)	2113001(b)	Bài tập lớn	Bài tập lớn	Bản tự luận	Bản tự luận
5	2111013	Toán C2	2(2,0,4)	2111012(b)	Bài tập lớn		Tự luận	Tự luận
6	2101001	Tin học đại cương	3(1,2,6)			Thực hành		Thực hành
7	2111010	Xác suất thống kê	2(2,0,4)	2111009(c)	Tự luận	Tự luận		Tự luận
8	2107102	Kinh tế vi mô	3(3,0,6)		Bài tập lớn	Bản tự luận	Bản tự luận	Bản tự luận
Học phần tự chọn			2/4					
1	2108030	Nguyên lý thống kê	2(2,0,4)		Bài tập lớn	Bản tự luận	Bản tự luận	Bản tự luận
2					Bài tập lớn	Bài tập lớn	Bài tập lớn	Bài tập lớn
Học kỳ 3			21					
Học phần bắt buộc			19					
1	2112003	Giáo dục thể chất 2	2(2,0,4)	2112003(a)	Thực hành	Thực hành		Thực hành
2	2114006	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3(3,0,6)	2114004, 2114005(b)	Tiểu luận	Tự luận		Tự luận
3	2107103	Kinh tế vĩ mô	3(3,0,6)	2107102(a)	Tiểu luận	Bản tự	Bản tự	Bản tự

						luận	luận	luận
4	2107003	Marketing căn bản	3(3,0,6)		Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
5	2111014	Tổán kinh tế	2(2,0,4)	2111013(b)	Bài tập lớn		Tự luận	Tự luận
6	2108029	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)		Bài tập lớn	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
7	2108002	Tài chính tiền tệ	3(3,0,6)		Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
Học phần tự chọn			2/4					
1	2107114	Giao tiếp kinh doanh	2(2,0,4)		Tiểu luận	Vấn đáp	Tự luận	Tự luận
2	2107115	Tâm lý học trong kinh doanh	2(2,0,4)		Tiểu luận	Vấn đáp	Tự luận	Tự luận
Học Kỳ 4			20					
Học phần bắt buộc			16					
1	2114007	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	2114004, 2114005, 2114006(c)		Tự luận	Tự luận	Trắc nghiệm
3	2107100	Lược kinh doanh	2(2,0,4)		Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
4	2107104	Thống kê kinh doanh	3(3,0,6)	2111010, 2108003(c)	Tiểu luận	tự luận	Tự luận	tự luận
5	2107105	Kinh tế lượng	3(3,0,6)	2107102, 2107103,	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận

				2111010(c)					
6	2107106	Kinh tế quốc tế	3(3,0,6)	2107102, 2107103(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận	
7	2107107	Kinh tế phát triển	3(3,0,6)	2107102, 2107103(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận	
Học phần tự chọn			4/6						
1	2107109	Địa lý kinh tế Việt Nam	2(2,0,4)		Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận	
2	2107115	Tin học ứng dụng ngành quản lý	2(2,0,4)	2101001(c)	Tiểu luận	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm	
3	2107113	Quản trị rủi ro	2(2,0,4)	2107002(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận	
Học kỳ 5			19						
Học phần bắt buộc			19						
2	2107201	Quản trị nhân lực	3(3,0,6)	2107002(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận	
3	2107202	Quản trị sản xuất	4(4,0,8)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận	
4	2107203	Quản trị cung ứng	4(4,0,8)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận	
5	2108005	Kế toán TCDN	3(3,0,6)	2108001(c)	Bài tập lớn	Tự luận	Tự luận	Tự luận	
6	2107206	Quản trị chiến lược	3(3,0,6)	2107002(c)	Tiểu luận	Bài tập tình huống	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm	

7	2113014	Anh văn chuyên ngành QLCN	2(2,0,4)	2113001, 2113002(b)				
Học Kỳ 6			16(2,14)					
Học phần bắt buộc			14					
1	2107205	Quản trị chất lượng	3(3,0,6)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Bán tự luận	Bán Tự luận
2	2107207	Quản trị tài chính	3(3,0,6)	2108001, 2107002, 2108005(c)	Tiểu luận	Tự luận	Bán tự luận	Bán Tự luận
3	2107208	Marketing công nghiệp	3(3,0,6)	2107003(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
4	2107212	Quản trị dự án đầu tư	3(3,0,6)	2108001, 2107002, 2108005(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
5	2107215	Thực tập sản xuất	2(0,2,4)			Tham quan/ thực hành	Báo cáo	Báo cáo
Học phần tự chọn			2/4					
1	2107110	Đạo đức kinh doanh	2(2,0,4)		Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
Học Kỳ 7			17(6,11)					
Học phần bắt buộc			11					

1	2107210	Quản trị xuất nhập khẩu	3(3,0,6)	2107002, 2107106(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
2	2107211	Quản trị công nghệ và đổi mới	2(0,2,4)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
3	2107213	Quản trị chuỗi cung cấp	2(0,2,4)	2107002(c)	Tiểu luận	Bán tự luận	Bán tự luận	Bán tự luận
4	2107214	Thương mại điện tử	2(0,2,4)	2101001(c)	Tiểu luận	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm
Học phần tự chọn			6/10					
1	2107215	Phân tích HBKD	3(3,0,6)	2108001, 2108003, 2108005(c)	Bài tập lớn	Tự luận	Tự luận	Tự luận
2	2107216	Quản lý công nghiệp	3(3,0,6)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
3			3(3,0,6)		Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
4	2107218	Quản trị văn phòng	3(3,0,6)	2107002(c)	Tiểu luận	Tự luận	Tự luận	Tự luận
Học kỳ 8			10					
Học phần bắt buộc			10					
1	2107037	Thực tập tốt nghiệp	5(0,5,10)		Báo cáo	Báo cáo		Báo cáo
2	2107038	Khóa luận tốt nghiệp	5(0,5,10)		Báo cáo	Báo cáo		Báo cáo

			)					
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (dành cho sinh viên không đủ điểm làm khóa luận)								
1	2107039	Chuyên đề tốt nghiệp	3			Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo
2	2107040	Quản trị tác nghiệp	2					

Tp. Vinh, ngày tháng năm 2015

BAN CHUẨN HÓA

PHÒNG ĐÀO TẠO

**KHOA KINH TẾ -
DU LỊCH**

**NGÀNH QUẢN LÝ
CÔNG NGHIỆP**



TS. Trần Đăng Thạch

[Signature]

Trần Mạnh Hà

[Signature]

Đào Thị Như Quỳnh

[Signature]

Đoàn Thị Hà

[Signature]

